TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG SƠN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG SƠN, TỈNH HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Phong và ông Nguyễn Cao Thế.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Đức Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh.
- *Đại diện VKSND huyện Hương Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Nhung - Kiểm sát viên.

Vào hồi 07 giờ 30 phút, ngày 07/9/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ, ngày 10/5/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 27/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Thị L; Sinh năm: 1993. Nơi ĐKHKTT: Thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Chổ ở hiện nay: Xóm M, xã G, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A; Sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Bà Phan Thị T, sinh năm: 1961. Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Tô Thị L trình bày:*

** Về quan hệ hôn nhân:* Chị Tô Thị L và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn với nhau vào ngày 24/8/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn chị L và anh A sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, đỉnh điểm là đầu năm 2018 chị L quyết định sống ly thân với anh A cho đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

* *Về quan hệ con chung:* Quá trình sống chung giữa chị Tô Thị L và anh Nguyễn Tuấn A có 01con chung cháu Nguyễn Thị Bảo L1, sinh ngày 20/3/2013. Hiện tại, cháu L1 đang sinh sống cùng anh A tại thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được giao cháu L1 cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tô Thị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Về yêu cầu của anh A yêu cầu chị L phải thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh A một lần tại gia đình anh A và việc phải thanh toán cho anh A số tiền 60.000.000 đồng tiền anh A nuôi cháu L1 từ năm 2017 đến nay chị L hoàn toàn không đồng ý.

* *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Quá trình sống chung chị Tô Thị L và anh Nguyễn Tuấn A không có tài sản chung. Không vay nợ ai và cũng không có người nào vay nợ chị L, anh A tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Nguyễn Tuấn A trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Tuấn A và chị Tô Thị L kết hôn với nhau vào ngày 24/8/2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn anh A và chị L sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do nhiều lần anh A góp ý nhưng chị L không nghe dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, đỉnh điểm là đầu năm 2018 anh A và chị L quyết định sống ly thân cho đến nay anh Nguyễn Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Tô Thị L.

- *Về quan hệ con chung:* Quá trình sống chung giữa anh Nguyễn Tuấn A và chị Tô Thị L có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Bảo L1, sinh ngày 20/3/2013. Anh Nguyễn Tuấn A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo L1 đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và phải giao tiền 01 lần tại gia đình anh Nguyễn Tuấn A. Ngoài ra anh Nguyễn Tuấn A còn yêu cầu chị Tô Thị L phải thanh toán cho anh A tổng số tiền 60.000.000 đồng là số tiền anh A sử dụng để nuôi cháu L từ năm 2017 cho đến nay.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Quá trình sống chung anh Nguyễn Tuấn A và chị Tô Thị L không có tài sản chung. Hiện tại, anh A, chị L không vay nợ ai và cũng không có người nào vay nợ anh chị tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Bảo L1 (Là con chung của chị Tô Thị L và anh Nguyễn Tuấn A) trình bày:* Nếu Tô Thị L và Nguyễn Tuấn A ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với bố (anh Nguyễn Tuấn A) vì kể từ ngày bố mẹ sống ly thân nhau đến nay thì cháu L1 ở với bố và ông bà nội và được đảm bảo mọi điều kiện vật chất và tinh thần.

* *Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Phan Thị T trình bày:*

Anh Nguyễn Tuấn A và chị Tô Thị L là vợ chồng của nhau. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn và từ đó sống ly thân

nhau. Sau khi ly thân thì cháu L1 sống cùng bố và bà T tại thôn H, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình đó chị L có thực hiện việc chuyển tiền nuôi dưỡng cháu L1 thông qua mẹ đẻ của chị L cho bà T 05 lần tổng số tiền khoảng 5 triệu đồng.

* Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay thấy rằng Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án như nguyên tắc xét xử, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục hỏi tại phiên tòa, thủ tục tranh luận tại phiên tòa. Nguyên đơn chị Tô Thị L chấp hành đúng pháp luật, còn bị đơn anh Nguyễn Tuấn A không có mặt tại Tòa án theo đúng thời gian đã thông báo để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70, khoản 1 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

- *Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6; Điều 7; khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Tô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A.

+ *Về quan hệ con chung:* Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Tô Thị L và anh Nguyễn Tuấn A giao cháu Nguyễn Thị Bảo L1, sinh ngày 20/3/2013 cho anh Nguyễn Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi.

+ Về vấn đề cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung: Xử buộc chị Tô Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng phương thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Bảo L1 tròn 18 tuổi.

Bác yêu cầu của anh Nguyễn Tuấn A về việc buộc chị Tô Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung một lần và việc yêu cầu chị L phải hoàn trả cho anh A số tiền 60 .000.000 đồng anh sử dụng vào việc nuôi cháu L1 từ năm 2017 đến nay.

Chị Tô Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị Tô Thị L và anh Nguyễn Tuấn A không có tài sản chung, không có nợ chung và không có người nào vay nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

+ *Về án phí:* Chị Tô Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra

tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa lần 2, nguyên đơn chị Tô Thị L đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình cũng như tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Còn phía bị đơn anh Nguyễn Tuấn A không chấp hành nghĩa vụ có mặt tại tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình như: Không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Tuấn A theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Tô Thị L và anh Nguyễn Tuấn A được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L, anh A sống hạnh phúc, hai người thương yêu giúp đỡ nhau trong cuộc sống để tạo lập gia đình ngày càng hạnh phúc. Tuy nhiên hạnh phúc vợ chồng chỉ tồn tại cho đếm năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xúc phạm nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đỉnh điểm là đầu năm 2018 dẫn đến hai người sống ly thân nhau. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh A. Còn phía anh A cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phần nào do lỗi ở chị L, nhiều lần anh góp ý nhưng chị không nghe dẫn đến vợ chồng mất tình cảm, sống ly thân nhau. Nay chị L xin ly hôn, anh A cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy trình trạng vợ chồng đã trầm trọng, múc đích hôn nhân không còn đạt được, hai người đã sống ly thân nhau từ lâu. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Tô Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tuấn A là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Tô Thị L và anh Nguyễn Tuấn A có 01 con chung cháu Nguyễn Thị Bảo L1, sinh ngày 20/3/2013. Hiện tại cháu L1 đang sống cùng anh Nguyễn Tuấn A cùng ông bà nội. Tại hồ sơ vụ án cả anh A và chi L đều thống nhất việc nuôi con giao cho anh A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm thỏa thuận nuôi con của anh A, chị L là phù hợp, đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần của cháu Bảo L1. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nguyễn Thị Bảo L1 cho anh A trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4.1] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tại hồ sơ vụ án anh Nguyễn Tuấn A và chị Tô Thị L cũng đã thống nhất mức cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng chị L phải cấp dưỡng 1.000.000 đồng đến khi cháu L1 đủ 18 tuổi. Tuy nhiên anh chị không thống nhất được phương thức cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy với mức cấp dưỡng như anh A chị L thỏa thuận là phù hợp nên cần được chấp nhận. Đối với

phương thức cấp dưỡng thì yêu cầu của anh A là không hợp lý. Bởi lẽ bản thân chi L không có thu nhập, không có tài sản, không có việc làm ổn định nên không có khả năng cấp dưỡng một lần như yêu cầu của anh A. Vì vậy Hội đồng xét xử cần căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình xử buộc chị L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Bảo L1 tròn 18 tuổi.

Bác yêu cầu của anh A về yêu cấp phương thức cấp dưỡng nuôi con một lần.

[4.2] Về yêu cầu của anh A buộc chị Tô Thị L phải hoàn trả cho anh Nguyễn Tuấn A số tiền 60.000.000 đồng anh A sử dụng để nuôi dưỡng cháu L1 từ năm 2017 đến năm 2021 là không có căn cứ. Bởi lẽ nghĩa vụ nuôi con là thuộc trách nhiệm của cả bố và mẹ. Khi đang còn là vợ chồng thì không phân chia trách nhiệm nuôi con cụ thể, bố có nhiều thì góp cho con nhiều, mẹ có ít thì góp nuôi con ít, việc anh góp tiền nuôi con là hoàn toàn do anh tự nguyện. Bản thân chị L từ khi ly thân chị không có việc làm, không có thu nhập, chị sống phụ thuộc bên ngoại nhưng chị cũng đã góp một phần tiền khoảng 5.000.000 đồng đưa cho bà nội Phan Thị T (thể hiện tại lời khai bà T) để góp phần nuôi con. Như vậy chị L phần nào cũng đã có trách nhiệm cung cấp nuôi con. Hội đồng xét xử cần bác yêu cầu này của anh A là phù hợp.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tô Thị L và anh Nguyễn Tuấn A không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người nào vay nợ anh, chị tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về án phí: Chị Tô Thị L phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 143, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016:

* Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Tô Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

* Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thị Bảo L1, sinh ngày 20/3/2013 cho anh Nguyễn Tuấn A là người trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu L1 tròn 18 tuổi. Chị Tô Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về vấn đề cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung: Xử buộc chị Tô Thị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng

phương thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần kể từ tháng 8 năm 2021 cho đến khi cháu Nguyễn Thị Bảo L1 tròn 18 tuổi.

Bác yêu cầu của anh Nguyễn Tuấn A về việc buộc chị Tô Thị L phải thanh toán tiền nuôi con một lần tại gia đình anh và việc anh A yêu cầu chị L phải hoàn trả cho anh số tiền 60.000.000 đồng là chi phí anh A nuôi dưỡng cháu L1 từ năm 2017 đến năm 2021.

* Về án phí: Xử buộc chị Tô Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004921, ngày 10/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Tô Thị L còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

* Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Tô Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Tuấn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA Dân sự H;
- UBND xã S, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường